

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 9/10/2024

	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	La Thị Biếc	7,50	Bảy phẩy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Lục Thị Chính	8,25	Tám phẩy hai năm	39	Lương Văn Ngu	7,00	Bảy
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Thang Thị Nguyệt	8,00	Tám
5	Hoàng Văn Dự	7,00	Bảy	41	Trần Đức Nhâm	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	La Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Ngân Thị Nương	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Ngô Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lương Thị Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Đàm Văn Quang	7,00	Bảy
11	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	47	Mông Đình Quế	7,00	Bảy
12	Nông Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm	48	Chu Thị Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Lương Thị Hạnh	8,50	Tám phẩy năm	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bé Thị Hào	8,00	Tám	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Bé Thị Thê	8,00	Tám
18	Lương Thị Hợp	6,00	Sáu	54	Hứa Văn Thiệp	8,00	Tám
19	Hoàng Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	55	Lục Văn Thiệp	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Hoàng Văn Thóm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	57	Lục Thị Thu	8,00	Tám
22	Nông Thị Hường	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nông Văn Thượng	7,25	Bảy phẩy hai năm

	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,50	Bảy phẩy năm	59	Hứa Thị Thúy	8,00	Tám
24	Hoàng Bích Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Nông Ngọc Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,00	Bảy
26	Hà Phúc Khải	7,50	Bảy phẩy năm	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,00	Bảy
27	Hoàng Thị Khâm	7,00	Bảy	63	Lương Thị Tiên	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Nông Đức Khánh	7,00	Bảy	64	Nguyễn Quang Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	La Đức Kiểm	6,50	Sáu phẩy năm	65	Triệu Thị Tòn	7,50	Bảy phẩy năm
30	Hoàng Thị Kỳ	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Hoàng Minh Trọng	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	7,00	Bảy
32	Đình Thị Liên	7,00	Bảy	68	Đàm Thị Tuyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Luyến	7,00	Bảy	70	Hoàng Thị Yến	7,00	Bảy
35	Nông Thị Ly	7,00	Bảy	71	Ngôn Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	72	Lý Thị Hoài	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 15 điểm; Điểm 7,25: 15 điểm; Điểm 7,50: 17 điểm; Điểm 8,00: 15 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa